

Số: /KH-THNT

Nam Tiến, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Năm học 2025 -2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp Tiểu học;
- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Công văn số 455/SGDĐT-GDTH ngày 13/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cấp tiểu học;
- Công văn số 573/SGDĐT-GDTH ngày 22/8/2025 của Sở GD&ĐT Ninh Bình về việc triển khai làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo, dạy học môn Tiếng Anh tự chọn dành cho học sinh lớp 1, 2;
- Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;
- Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;
- Công văn số 431/SGDĐT- GDTrH ngày 08/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình về việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;
- **Thông báo số** /TB-THNT ngày 18/05/2025 về Danh mục sách giáo khoa, tài liệu sử dụng trong năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Nam Tiến;
- **Công văn số** /SGDĐT-GDTH ngày 2/ /2025 của Sở GDĐT Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Nam Tiến.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1.1. Thuận lợi

- Miền Nam Tiến thuộc xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình là địa phương có truyền thống hiếu học. Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ ở các thôn xóm, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường

giáo dục lành mạch, tích cực.

- Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả khá tốt, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài.

1.2. Khó khăn

- Mặc dù rất hiểu học song một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh chưa có nhận thức đúng về mục tiêu của giáo dục Tiểu học, chưa quan tâm giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống mà chỉ chú ý đến điểm số, chú ý đến thành tích của các môn học (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) của học sinh.

- Người dân địa phương chủ yếu làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Một số phụ huynh học sinh ngoài nông nghiệp còn phải đi làm ăn xa lúc nông nhàn nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà trường còn có hạn chế.

- Địa phương nơi trường đóng vẫn còn là điểm nóng về tệ nạn ma túy nên có nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, không quan tâm, không có điều kiện chăm lo đến việc học hành của con.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026.

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về học sinh

Quy mô phát triển năm học 2025-2026 như sau:

Khối lớp	Điểm chính				Điểm lẻ				Tổng số				Ghi chú
	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	B.Q	Lớp	HS	Nữ	BQ	
Lớp 1	4	131	68	33	2	68	26	34	6	199	94	33	
Lớp 2	4	115	53	29	2	68	30	34	6	183	83	31	
Lớp 3	4	151	78	30	2	60	33	30	6	211	111	35	
Lớp 4	4	119	55	30	2	55	33	28	6	174	88	29	
Lớp 5	4	120	51	30	2	61	26	29	6	181	77	30	
Cộng	20	636	305	31	10	302	148	31	30	948	453	32	

Nhà trường có số lượng học sinh/ lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Học sinh có phong trào học tập, rèn luyện tốt; bước đầu có thói quen đọc sách; nhiều học sinh có tố chất, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân và các hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ.

2.1.2. Đội ngũ

Nhà trường có tổng số 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm: 3 cán bộ quản lý, 45 giáo viên, 4 nhân viên. Trong đó có 3 giáo viên giáo dục thể chất, 4 giáo viên dạy tiếng Anh, giáo viên dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, tin học mỗi môn có 2. Tỷ

lệ giáo viên trên lớp là 1,5 (45 giáo viên/30 lớp), cơ cấu giáo viên tương đối hợp lý, nhiều giáo viên trẻ, 100% giáo viên của trường có trình độ cao đẳng trở lên trở lên, trong đó trình độ đại học là 44/45 chiếm 98%. Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề; luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau, gắn bó với trường, lớp. Đây là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên, tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tuy có 2 điểm trường song cả 2 điểm trường của nhà trường đều nằm trên trục đường tỉnh lộ, rất thuận tiện cho học sinh. Tỷ lệ phòng học/ lớp của nhà trường là 1, các phòng học bộ môn gồm: 3 phòng tiếng Anh, 2 phòng tin học, 2 phòng âm nhạc, 2 phòng mỹ thuật, 1 phòng khoa học, công nghệ. Mỗi điểm trường của nhà trường đều có nhà đa năng, khu thể thao, thư viện và thư viện xanh, ... Là trường đã đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

2.1.4. Các điều kiện khác

- Là trường có chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu khá tốt. Nhiều năm liền, nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, giao lưu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia như: thi điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cờ vua, aerobic, robotic, liên hoan phát triển năng lực học sinh, hùng biện tiếng Anh, IOE, Toefl Primary, giới thiệu sách, Violympic, toán tuổi thơ, giải toán qua thư, viết chữ đúng và đẹp,.... Nhà trường rất tích cực nghiên cứu áp dụng nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, mô hình dạy học tiên tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh.

- Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mới, theo định hướng của CTGDPT 2018 như: dạy kỹ năng sống, giáo dục STEM, dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read, tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, cho học sinh lớp 1,2 làm quen với Tin học... và đã thu được nhiều kết quả khả quan.

2.2. Điểm yếu

2.2.1. Về học sinh

Xuất hiện một bộ phận không nhỏ học sinh có triệu chứng rối loạn về tâm lý, hành vi, nhận thức (trầm cảm, tự kỉ, tăng động,) mà giáo viên chưa được tập huấn về phương pháp dạy đối tượng học sinh này, phụ huynh chưa có hiểu biết nhiều để phối hợp giáo dục trẻ, phó mặc cho nhà trường.

Có 4 học sinh hộ nghèo, 21 học sinh hộ cận nghèo, 1 học sinh dân tộc; 2 học sinh khuyết tật; 12 học sinh thuộc diện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; 17 học sinh mắc rối loạn phổ tự kỉ.

2.2.2. Về đội ngũ

Vẫn còn 1 giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo so với quy định mới tại Điều lệ trường Tiểu học năm 2020 (đang học nâng cao trình độ)

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ, tin học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn nhiều người ở xa (trên 20 km), giáo viên trẻ đang độ tuổi sinh nở nên nghỉ thai sản nhiều.

2.2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trường được xây dựng chắp vá qua nhiều thời kỳ, có nhiều hạng mục phải sửa chữa thường xuyên song kinh phí rất lại hạn chế.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại chưa có nhiều, chưa có đủ trang thiết bị tối thiểu theo quy định khi triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Chưa có bếp ăn bán trú, phòng ăn, nghỉ ngơi của học sinh chưa đảm bảo yêu cầu.

2.2.4. Các điều kiện khác

- Là đơn vị sự nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, mỗi năm nhà trường được cấp 35 triệu đồng để tu bổ cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học phục vụ cho triển khai CTGDPT 2018.

- Hệ thống các văn bản chỉ đạo có sự chồng chéo, mâu thuẫn, không tạo được hành lang pháp lý giúp các nhà trường có sáng tạo trong triển khai Kế hoạch giáo dục.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Mục tiêu chung

Linh hoạt, chủ động triển khai hiệu quả Chương trình GDPT; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiện đại, tạo điều kiện để học sinh phát triển toàn diện về trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng sống. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà để duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học. Đẩy mạnh giáo dục STEM, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng công dân số và các hoạt động trải nghiệm, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Chú trọng phát triển đội ngũ nhà giáo vững vàng chuyên môn, có năng lực đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu dạy học và đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, qua đó giữ vững uy tín, khẳng định chất lượng và vị thế của nhà trường trong cộng đồng.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Các phẩm chất

Lớp	Xếp loại	Các phẩm chất									
		Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1 (199)	T	145	72,9	150	75,4	120	60,3	140	70,4	120	60,3
	Đ	54	27,1	49	24,6	79	29,7	59	29,6	79	29,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2 (183)	T	130	71,0	130	71,0	120	65,6	130	71,0	120	65,6
	Đ	53	29,0	53	29,0	63	34,4	53	29,0	63	34,4
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (211)	T	160	75,8	160	75,8	140	66,4	150	71,1	150	71,1
	Đ	51	24,2	51	24,2	71	33,6	61	28,9	61	28,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (174)	T	140	80,5	150	86,2	140	80,5	140	80,5	150	86,2
	Đ	34	19,5	24	13,8	34	19,5	34	19,5	24	13,8
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (181)	T	150	82,9	150	82,9	150	82,9	150	82,9	150	82,9
	Đ	31	17,1	31	17,1	31	17,1	31	17,1	31	17,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng 948	T	725	76,5	740	78,0	670	70,7	710	74,9	690	72,9
	Đ	223	23,5	208	22,0	278	29,3	238	25,1	258	27,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2. Các năng lực

Lớp	Xếp loại		Các năng lực									
			Tự chủ và tự học	Giao tiếp và hợp tác	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Ngôn ngữ	Tính toán	Khoa học	Công nghệ	Tin học	Thẩm mỹ	Thể chất
1 (199)	T	SL	140	140	140	140	140	140	140	140	140	140
		TL%	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4	70,4
	Đ	SL	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		TL%	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6	29,6
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2 (183)	T	SL	140	140	140	140	140	140	140	140	140	140
		TL%	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5	76,5
	Đ	SL	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43
		TL%	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5	23,5
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3 (211)	T	SL	170	170	170	170	170	170	170	170	170	170
		TL%	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6	80,6
	Đ	SL	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41
		TL%	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4	19,4
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

4 (174)	T	SL	150	150	150	150	150	150	150	150	150	150	
		TL%	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2	86,2
	Đ	SL	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24	24
		TL%	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8	13,8
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (181)	T	SL	150	150	150	150	150	150	150	150	150	150	
		TL%	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9	82,9
	Đ	SL	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31	31
		TL%	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1	17,1
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng 948	T	SL	750	750	750	750	750	750	750	750	750	750	
		TL%	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	79,1	
	Đ	SL	198	198	198	198	198	198	198	198	198	198	
		TL%	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	20,9	
	CCG	SL	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
		TL%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

2.3. Các môn học, hoạt động giáo dục

Môn học	XL	Khối 1 (199)		Khối 2 (183)		Khối 3 (211)		Khối 4 (174)		Khối 5 (181)		Toàn trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt (948)	T	105	52,8	100	54,6	150	71,1	120	69,0	130	71,8	605	63,8
	HT	94	47,2	83	45,4	61	28,9	54	31,0	51	28,2	343	36,2
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toán (948)	T	110	55,3	110	60,1	160	75,8	120	69,0	130	71,8	630	66,5
	HT	89	44,7	73	39,9	51	24,2	54	31,0	51	28,2	318	33,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đạo đức (948)	T	120	60,3	130	71,0	160	75,8	120	69,0	130	71,8	660	69,6
	HT	79	39,7	53	29,0	51	24,2	54	31,0	51	28,2	288	30,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TN&XH (593)	T	100	50,3	130	71,0	160	75,8					390	65,8
	HT	99	49,7	53	29,0	51	24,2					203	34,2
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0
Khoa học (355)	T							120	69,0	130	71,8	250	70,4
	HT							54	31,0	51	28,2	105	29,6
	CHT							0	0	0	0	0	0
LS và ĐL (355)	T							120	69,0	130	71,8	250	70,4
	HT							54	31,0	51	28,2	105	29,6
	CHT							0	0	0	0	0	0

Mĩ thuật (948)	T	130	65,3	120	65,6	160	75,8	120	69,0	130	71,8	660	69,6
	HT	69	34,7	63	34,4	51	24,2	54	31,0	51	28,2	288	30,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Âm nhạc (948)	T	110	55,3	130	71,0	160	75,8	120	69,0	130	71,8	650	66,6
	HT	79	44,7	53	29,0	51	24,2	54	31,0	51	28,2	298	33,4
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GDTC (948)	T	100	50,3	120	65,6	160	75,8	120	69,0	130	71,8	630	66,5
	HT	99	49,7	63	34,4	51	24,2	54	31,0	51	28,2	318	33,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
HĐTN (948)	T	110	55,3	100	54,6	160	75,8	120	69,0	130	71,8	630	66,5
	HT	89	44,7	83	45,4	51	24,2	54	31,0	51	28,2	318	33,5
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học (566)	T					160	75,8	120	69,0	130	71,8	410	72,4
	HT					51	24,2	54	31,0	51	28,2	156	27,6
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ (566)	T					160	75,8	120	69,0	130	71,8	410	72,4
	HT					51	24,2	54	31,0	51	28,2	156	27,6
	CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếng Anh (948)	T	100	50,3	100	54,6	150	71,1	120	69,0	130	71,8	600	63,3
	HT	99	49,7	83	45,4	61	28,9	54	31,0	51	28,2	386	36,7
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.4. Các hoạt động giáo dục theo nhu cầu, năng lực.

2.4.1. Công tác bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở các lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học, kỹ thuật... thông qua hình thức câu lạc bộ, tự học với sự hướng dẫn của giáo viên. Tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của nhà trường là toán, tiếng Anh, điền kinh, bóng đá, robotics để nâng cao thành tích ở các cấp.

- Tổ chức, tạo cơ hội để học sinh được tham gia vào tất cả các cuộc thi, liên hoan, giao lưu phát triển năng khiếu, năng lực như: Olympic tiếng Anh, hùng biện tiếng Anh, thi điền kinh, bóng đá, lập trình robot, viết chữ đúng và đẹp, Có khoảng 50% học sinh trở lên tham gia hoạt động giáo dục theo nhu cầu.

2.4.2. Công tác giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật

Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập. Tăng cường dạy học phân hóa kết hợp với phụ đạo thêm cho học sinh có khó khăn, học sinh khuyết tật vào giờ tự học. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật có sự tiên bộ so với bản thân.

2.4. Các hoạt động giáo dục khác

2.4.1. Hoạt động GDĐT, thăm quan, dã ngoại.

Tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa theo chủ đề từng tháng với thời lượng 9 buổi/năm (mục 2.1) để giúp học sinh tăng cường ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Tổ chức cho học sinh được tham quan trải nghiệm ít nhất 1 lần/ năm học tại các điểm di tích lịch sử, văn hóa hoặc các khu trải nghiệm giáo dục trong tỉnh và Hà Nội. Phần đầu có 90% học sinh tham gia vào các hoạt động chủ điểm và tham quan, dã ngoại.

2.4.2. Hoạt động đọc sách

Tổ chức cho học sinh đọc sách tại trường sau giờ học chính khóa. Phần đầu 100% học sinh tham gia hoạt động đọc sách tại trường do giáo viên tổ chức, có ít nhất 30% học sinh có thói quen đọc sách hàng ngày.

2.4.3. Hoạt động câu lạc bộ

Tổ chức 5 câu lạc bộ với khoảng 250 học sinh cho những học sinh có sở thích, có năng khiếu, năng lực, sở thích, nhu cầu.

2.4.4. Dạy kỹ năng sống.

Tổ chức dạy kỹ năng sống với thời lượng 2 tiết /tuần. Phần đầu có 80% học sinh trở lên tham gia.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 – 2025.

1. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục.

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học /Hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	Tự nhiên và Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
8	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Tin học và Công nghệ							70	36	34	70	36	34	70	36	34
12	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Môn học tự chọn																
13	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34									
Hoạt động củng cố, tăng cường																
14	Đọc sách thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Tự học	70	36	34	70	36	34	105	54	51	35	18	17	35	18	17
16	Giáo dục nghệ thuật	35	18	17	35	18	17									
17	Giáo dục tin học	35	18	17	35	18	17									
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544
Số tiết/tuần (cả năm)		32			32			32			32			32		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
8; 9/2025	An toàn đến trường	Triển khai giáo dục ATGT (5 chuyên đề)	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề theo lớp	Lớp 1 từ 22/8/2025; Các lớp còn lại từ 29/8	GVCN	Đội tự quản Công trường ATGT của trường.
10/2025	Trung thu của em	Tổ chức cho học sinh tìm hiểu ý nghĩa của Tết Trung thu và tham gia các hoạt động đặc trưng của Tết Trung thu	Tổ chức theo lớp	Sáng thứ hai ngày 6/10	GVCN và TPT Đội	Các ban ngành, đoàn thể của địa phương; CMHS; Chi Đoàn TNCS của trường.
11/2025	Nhớ ơn thầy cô	Biểu diễn văn nghệ, triển lãm sản phẩm viết, vẽ	Tổ chức quy mô toàn trường.	Sáng thứ hai 20/11	TPT Đội	Chi Đoàn TNCS, CMHS; Ban VHĐ, GV MT và GVÂN
02/2026	Ngày tết quê em	Tổ chức cho học sinh tìm hiểu ý nghĩa và tham gia các hoạt động đặc trưng của Tết ND	Tổ chức quy mô toàn trường	Chiều 13/2/2026	BGH	Toàn bộ GV, NV và CMHS
4/2026	Hưởng ứng Ngày sách VN	Tổ chức hoạt động trưng bày, giới thiệu sách, sân khấu hóa tác phẩm	Quy mô trường	Sáng thứ bảy, ngày 18/4	Ban xây dựng VHĐ	Toàn bộ CB, GV, VN và CMHS

5/2026	Đội TNTP và Bác Hồ kính yêu	Tham quan, dã ngoại tại Bảo tàng Nam Định, khu di tích Đền Trần.	Theo đơn vị lớp	Từ ngày 16/5 đến 25/5	BGH	Toàn bộ CB, GV, NV và CMHS các lớp
--------	-----------------------------	------------------------------------------------------------------	-----------------	-----------------------	-----	------------------------------------

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

Chương trình ngoài giờ chính khóa được tổ chức phân hóa theo nhu cầu, sở thích, năng lực của từng học sinh và tổ chức các hoạt động HĐTN giúp thực hiện mục tiêu GD của trường. Nội dung và hình thức hoạt động ngoài giờ chính khóa gồm:

2.2.1. Tổ chức các câu lạc bộ:

Nhà trường dự kiến tổ chức các CLB sau đây:

- + Bóng đá: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)
- + Robotics: 40 học sinh (chia 2 nhóm; Khu A: 20; KB: 20 học sinh)
- + Văn nghệ: 80 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 40 HS; khu B: 40 HS)
- + Mĩ thuật: 60 học sinh (chia 2 nhóm; khu A: 30 HS; khu B: 30 HS)

Câu lạc bộ được tổ chức cho những học sinh có năng khiếu, sở thích và nguyện vọng tham gia. Câu lạc bộ sinh hoạt 6 tiết/ tuần, thời gian từ 16h00 -17h10 (mùa hè), 15h45 – 16h55 (mùa đông) vào thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu hàng tuần.

2.2. Đọc sách

Mục đích rèn thói quen và kĩ năng đọc sách cho học sinh. Hoạt động đọc sách cuối giờ học được tổ chức theo quy mô lớp học.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Hai điểm trường của nhà trường có các điều kiện như nhau nên việc triển khai Kế hoạch giáo dục không có sự khác biệt.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND tỉnh; căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học, tại trường Tiểu học Nam Tiến thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ngày tựu trường	29/8/2025	Lớp 1 ngày 22/8
2	Ngày khai giảng	05/09/2025	
3	Ngày bắt đầu chương trình tuần 1	08/09/2025	
4	Ngày kết thúc học kỳ I	09/01/2026	
5	Ngày bắt đầu học kỳ II	12/01/2026	
6	Ngày kết thúc học kỳ II	17/05/2026	
7	Ngày kết thúc năm học	25/05/2026	

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC (PL 1.4)**

TUẦN 0									Điều chỉnh kế hoạch		
Thời gian	1/9	2/9	3/9	4/9	5/9	6/9	7/9				
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN			
Sáng	1	Nghỉ lễ Quốc khánh	Nghỉ lễ Quốc khánh			KHAI GIẢNG					
	2										
	3										
	4										
Chiều	5							SHCM			
	6										
	7										
TS tiết/tuần											

TUẦN 1									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	8/9	9/9	10/9	11/9	12/9	13/9	14/9		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 2									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	15/9	16/9	17/9	18/9	19/9	20/9	21/9		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 3									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	22/9	23/9	24/9	25/9	26/9	27/9	28/9		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 4									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	29/9	30/9	1/10	2/10	3/10	4/10	5/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 5									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/10	7/10	8/10	9/10	10/10	11/10	12/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Trải nghiệm Tết trung thu	SHDC	LL	LL	LL			
	2		LL	LL	LL	LL			
	3		LL	LL	LL	LL			
	4		LL	LL	LL	LL			
Chiều	5		LL	LL	LL	LL			
	6		LL	LL	LL	LL			
	7		LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 6									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	13/10	14/10	15/10	16/10	17/10	18/10	19/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 7									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	20/10	21/10	22/10	23/10	24/10	25/10	26/10		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	Họp giao ban GKI			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 8									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	27/10	28/10	29/10	30/10	31/10	1/11	2/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 9									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	3/11	4/11	5/11	6/11	7/11	8/11	9/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 10									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	16/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 11									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	17/11	18/11	19/11	20/11	21/11	22/11	23/11		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Trải nghiệm kĩ niệm ngày NGVN	LL			
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 12									
Thời gian		24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 13									
Thời gian		1/12	2/12	3/12	4/12	5/12	6/12	7/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 14									
Thời gian		8/12	9/12	10/12	11/12	12/12	13/12	14/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 15									
Thời gian		15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL				
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 16									
Thời gian		22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 17									
Thời gian		29/12	30/12	31/12	1/1	2/1	3/1	4/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	Nghỉ tết đương lịch	LL			
	2	LL	LL	LL		LL			
	3	LL	LL	LL		LL			
	4	LL	LL	LL		LL			
Chiều	5	LL	LL	LL		LL			
	6	LL	LL	LL		LL			
	7	LL	LL	LL		SHL			
TS tiết/tuần		28							

TUẦN 18									
Thời gian		5/1	6/1	7/1	8/1	9/1	10/1	11/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	Kiểm tra HKI			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

HỌC KỲ II

TUẦN 19									
Thời gian		12/1	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 20									
Thời gian		19/1	20/1	21/1	22/1	23/1	24/1	25/1	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 21									
Thời gian		26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	31/1	01/2	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 22									
Thời gian		2/2	3/2	4/2	5/2	6/2	7/2	8/2	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 23									
Thời gian		09/2	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	TN tết Nguyên đán			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 24									
Thời gian		23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2	1/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 25									
Thời gian		2/3	3/3	4/3	5/3	6/3	7/3	8/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	Giao ban GHKII			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 26									
Thời gian		9/3	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 27									
Thời gian		16/3	17/3	18/3	19/3	20/3	21/3	22/3	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 28									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 29									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	30/3	31/3	1/4	2/4	3/4	4/4	5/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 30									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	6/4	7/4	8/4	9/4	10/4	11/4	12/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHCD	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 31									Điều chỉnh kế hoạch
Thời gian	13/4	14/4	15/4	16/4	17/4	18/4	19/4		
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL	Trải nghiệm Ngày hội đọc sách 2026		
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

TUẦN 32									
Thời gian		20/4	21/4	22/4	23/4	24/4	25/4	26/4	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 33									
Thời gian		27/4	28/4	29/4	30/4	1/5	2/5	3/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ bù lễ giỗ tổ Hùng Vương	SHDC	LL	Nghỉ lễ chiến thắng	Nghỉ Quốc tế lao động			
	2		LL	LL					
	3		LL	LL					
	4		LL	LL					
Chiều	5		LL	LL					
	6		LL	LL					
	7		LL	SHL					
TS tiết/tuần		14							

TUẦN 34									
Thời gian		4/5	5/5	6/5	7/5	8/5	9/5	10/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	SHL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	SHCM			
	6	LL	LL	LL	LL				
	7	LL	LL	LL	LL				
TS tiết/tuần		32							

TUẦN 35									
Thời gian		11/5	12/5	13/5	14/5	15/5	16/5	17/5	Điều chỉnh kế hoạch
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	LL	LL	LL	LL			
	2	LL	LL	LL	LL	LL			
	3	LL	LL	LL	LL	LL			
	4	LL	LL	LL	LL	LL			
Chiều	5	LL	LL	LL	LL	LL			
	6	LL	LL	LL	LL	LL			
	7	LL	LL	LL	LL	SHL			
TS tiết/tuần		35							

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tu sửa, bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học.
- Tiết kiệm chi ngân sách, kêu gọi tài trợ để mua sắm bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học cho các phòng học, phòng học bộ môn, ưu tiên cho phân môn Công nghệ và dạy học STEM.
- Phát động và tổ chức cho giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.
- Tăng cường các thiết bị dạy học hiện đại để triển khai ứng dụng CNTT trong dạy học.

2. Chủ động kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển, tham mưu với UBND xã để có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định.
- Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ đào tạo theo lộ trình đã xây dựng.
- Phát huy nội lực, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy học.

3. Chú trọng tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tập huấn, sinh hoạt chuyên môn theo quy định.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.
- Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào các hội thảo chuyên môn, các cuộc thi, giao lưu về chuyên môn để học hỏi.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, thống nhất sách giáo khoa, tài liệu chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

+ Khối 1

Stt	Tên sách/ tài liệu	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái	ĐHSP
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy	ĐHSP
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP
5	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP
6	Âm nhạc 1	Hoàng Long	GĐVN
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường	GĐVN
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Giáo dục kĩ năng công dân số 1	Lê Anh Vinh	GĐVN
11	Giáo dục An toàn trường học 1	Phạm Việt Cường	GĐVN

12	Giáo dục an toàn giao thông	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 1	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 2

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 2	Lê Anh Vinh	GDVN
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Giáo dục kỹ năng công dân số 2	Lê Anh Vinh	GDVN
11	Giáo dục An toàn trường học 2	Phạm Việt Cường	GDVN
12	Giáo dục an toàn giao thông 2	TL điện tử	Bộ GDĐT
13	Giáo dục địa phương 2	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 3

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 3	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 3	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
7	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
10	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng	GDVN
11	Tin học 3	Nguyễn Chí Công	GDVN
12	Giáo dục An toàn trường học 3	Phạm Việt Cường	GDVN
13	Giáo dục an toàn giao thông 3	TL điện tử	Bộ GDĐT
14	Giáo dục địa phương 3	TL biên soạn của Tỉnh	

+ Khối lớp 4

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 4	Hà Huy Khoái	GDVN

3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý	Vũ Minh Giang	GDVN
6	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học 4	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn trường học 4	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông 4	TL điện tử	Bộ GDĐT
15	Giáo dục địa phương 4	Tỉnh biên soạn	

+ Khối 5

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 5	Hà Huy Khoái	GDVN
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	Lịch sử và Địa lý 5	Vũ Minh Giang	GDVN
6	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
7	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính	GDVN
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy	GDVN
10	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng	GDVN
12	Tin học 5	Nguyễn Chí Công	GDVN
13	GD An toàn trường học 5	Phạm Việt Cường	GDVN
14	GD An toàn giao thông 5	TL điện tử	Bộ GDĐT
15	Giáo dục địa phương 5	Tỉnh biên soạn	

- Xây dựng thời gian biểu khoa học, hợp lý

Mùa hè

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h15 – 7h25	10 phút	Thế dục buổi sáng	
	7h30 - 8h05	35 phút	Tiết 1	
	8h10 - 8h45	35 phút	Tiết 2	

	8h45 - 9h10	25 phút	Ra chơi	
	9h15 - 9h50	35 phút	Tiết 3	
	9h55 - 10h30	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h55 - 14h00	5 phút	Ôn định lớp	
	14h00 - 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h40 - 15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15 - 15h35	20 phút	Ra chơi	
	15h40 - 16h15	35 phút	Tiết 7	Tan học buổi chiều
	16h15 - 17h15	60 phút	KNS, Đọc sách hoặc CLB	Ngoài giờ CK

Mùa đông:

	Thời gian		Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h30 - 7h35	5 phút	Ôn định tổ chức lớp	
	7h35 - 8h15	35 phút	Tiết 1	
	8h20 - 8h55	35 phút	Tiết 2	
	8h55 - 9h20	25 phút	Thể dục, ra chơi	
	9h25 - 10h00	35 phút	Tiết 3	
	10h05 - 10h40	35 phút	Tiết 4	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h55 - 14h00	5 phút	Ôn định lớp	
	14h00 - 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h40 - 15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15 - 15h35	20 phút	Ra chơi	
	15h40 - 16h15	35 phút	Tiết 7	Tan học buổi chiều
		16h15 - 17h15	60 phút	KNS, Đọc sách hoặc CLB

4. Coi trọng việc phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, CMHS trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tuyên truyền tích cực về đổi mới giáo dục nói chung, kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để các cộng đồng nhận thức đúng và đồng thuận.

- Làm tốt công tác dân vận để đảm bảo quy mô phát triển hợp lý giữa 2 điểm trường.

- Tạo nhiều cơ hội để các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng tham gia vào việc giáo dục học sinh.

5. Luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tạo cơ chế hợp lý để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường phân cấp quản lý, cấp trên không làm thay nhiệm vụ cấp dưới và

ngược lại.

- Hướng dẫn chu đáo để giáo viên chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo tình hình thực tế.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện nội dung các công việc được giao và chủ động thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đọc sách, cơ chế khen thưởng hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Tổ chức việc xây dựng kế hoạch giáo dục, lấy ý kiến thông qua của Hội đồng trường, báo cáo cấp có thẩm quyền, truyền truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Phân công nhiệm vụ và tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu.

- Tham mưu tích cực với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực để có đủ các điều kiện giúp cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao. Huy động các lực lượng cộng đồng tham gia vào thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tổ chức xây dựng các chủ đề STEM, tổ chức tập huấn, thao giảng để giáo viên thực hiện tốt các bài học STEM đã xây dựng.

2. Phó hiệu trưởng

- Kết hợp với hiệu trưởng nhà trường truyền truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, các phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho nhiệm vụ của mình sao cho có sự thống nhất với kế hoạch giáo dục chung của trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt: Xây dựng kế hoạch môn học theo CTGDPT 2018 trên cơ sở SGK được chọn.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch môn học/HĐGD của tổ chuyên môn tổ chức và hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân.

- Thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục thông qua dự giờ, kiểm tra, duyệt kế hoạch bài dạy, Định kỳ rà soát việc thực hiện kế hoạch giáo dục để xuất hiệu trưởng các biện pháp điều chỉnh, bổ sung.

- Tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc của giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên

có liên quan và cộng đồng.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch môn học, các hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Phối hợp với phó hiệu trưởng hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân.

- Kiểm tra kế hoạch bài dạy của giáo viên hàng tuần. Giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục của mỗi thành viên trong tổ.

- Tổ chức cho tổ sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

4. Tổng phụ trách Đội

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện tiết sinh hoạt dưới cờ, xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục tập thể được phân công.

- Tham mưu với Đoàn TNCS, Hội đồng Đội của địa phương để huy động các nguồn lực, để phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân của mình theo nhiệm vụ được phân công.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục được phân công theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân của mình theo nhiệm vụ được phân công.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT
- Phòng Văn hóa, xã hội
- Các PHT, TTCM
- Đăng website
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Minh